TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 41 /2020/HNGĐ-ST
Ngày: 10-3-2020
V/v "tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Ông Phạm Lâm Đồng**

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông Nguyễn Thanh Long

2/ Bà Nguyễn Thị Hồng

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Ngọc Lam Điền là Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa: Ông Võ Quốc Thông - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 3 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 16/2018/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 12 năm 2018 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 159/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 12 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Phạm Thị Kim A, sinh năm 1989 (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp C, xã D, huyện E, Thành phố Cần Thơ.

Bị đơn: Ông Teng B**,** sinh năm 1977 (vắng mặt)

Địa chỉ: số 30, G, khóm H, phường T, thị trấn U, huyện M, Đài Loan.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Phạm Thị Kim A trình bày: Bà A cho rằng bà và ông Teng B quen biết và tiến đến hôn nhân, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại Sở Tư pháp Thành phố Cần Thơ số 445, ngày 15/7/2008. Sau khi kết hôn bà sang Đài Loan chung sống với ông Teng B được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Do đó vào năm 2011 bà trở về thăm nhà và lại ở Việt Nam không trở lại Đài Loan nữa. Từ khi bà trở về Đài Loan đến nay bà và ông Teng B không còn liên lạc với nhau. Nay bà A khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ giải quyết cho bà được ly hôn với ông Teng B. Theo bà A thì bà và ông Teng B không có tài sản chung, nợ chung và con chung nên không yêu cầu Tòa

án giải quyết. Do bị đơn là ông Teng B vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án nên Tòa án không rõ ý kiến.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ tại phiên tòa thể hiện, những người tiến hành tố tụng, đương sự đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án, qua xem xét các tài liệu chứng cứ đã thẩm tra, Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Hôn nhân giữa bà Phạm Thị Kim A và ông Teng B là hợp pháp vì được hình thành trên sự tự nguyện của các bên và có đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền. Nay bà A khởi kiện ly hôn, do ông Teng B là người có quốc tịch Đài Loan nên đơn xin ly hôn của bà A được Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền tại Điều 28, Điều 37 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

[2] Thủ tục thông báo, tống đạt của Tòa án đối với phía bị đơn đã hoàn tất. Theo công văn số 3151/BTP-PLQT ngày 24/9/2019 của Bộ Tư Pháp, theo đó "cơ quan có thẩm quyền của lãnh thổ Đài Loan đã thực hiện ủy thác tư pháp nêu trên vào ngày 12/8/2019 bằng phương thức chuyển cho người sống chung cùng đương sự". Tuy nhiên cho đến nay ông Teng B không có ý kiến phản hồi. Trên cơ sở đó, Tòa án mở phiên tòa xét xử vắng mặt bị đơn là có căn cứ.

[3] Xét thấy, tình trạng ly thân giữa vợ chồng bà Phạm Thị Kim A và ông Teng B kéo dài đã lâu mà không có cách hàn gắn. Các bên cũng không còn liên lạc với nhau, mục đích hôn nhân không đạt được, bà A cũng xác định không còn tình cảm với ông Teng B và bà kiên quyết xin được ly hôn với ông Teng B. Do ông Teng B không có ý kiến trả lời cho Tòa án chứng tỏ ông cũng không tha thiết gì với cuộc hôn nhân này. Vì vậy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở để chấp nhận. Do ông bà chưa có con chung và tài sản chung theo lời khai của nguyên đơn nên Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét.

[4] Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng và lệ phí ủy thác là 200.000 đồng, nguyên đơn phải chịu. Nghĩa vụ chịu các chi phí này dựa theo các quy định tại khoản 4 Điều 147, khoản 3 Điều 153 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào

Khoản 1 Điều 28; điểm a, khoản 1, Điều 37; Điều 227; Điều 238, Điều 271, khoản 4 Điều 477, khoản 2 Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 121, khoản 2 Điều 123, khoản 1 Điều 127 Luật hôn nhân và gia đình.

Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Cho bà Phạm Thị Kim A được ly hôn với ông Teng B.

Không đặt ra xem xét về con chung và tài sản chung của vợ chồng.

Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Bà Phạm Thị Kim A phải chịu 300.000 đồng, khấu trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng bà A đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 001379 ngày 14/12/2018 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Cần Thơ. Bà A đã nộp xong án phí hôn nhân sơ thẩm.

Về lệ phí ủy thác, bà Phạm Thị Kim A đã nộp xong 200.000 đồng theo biên lai thu số 0003879 ngày 06/6/2019 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Cần Thơ.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án, bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tống đạt hoặc thông báo hợp lệ theo quy định của pháp luật để yêu cầu Tòa án nhân dân Cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận **:**
- Đương sự.
- VKSNDTPCT
- Cục THA DS TPCT
- UBND H.Cờ Đỏ
- Lưu (2b).

(Đã ký)
Phạm Lâm Đồng